

Số: 5060959

	THACO CRUIZER 120S - 28 GHẾ VIP WP9	THACO CRUIZER 81S - 29 GHẾ WP4.6
Giá niêm yết:	2.629.000.000đ	1.809.000.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	12.180 x 2.500 x 3.480 mm	8.180 x 2.370 x 3.150 mm
Chiều dài cơ sở	6.000 mm	3.900 mm
Vết bánh xe trước/sau	2.096 / 1.902 mm	1.997 / 1.738 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	12.340 12.365 kg	7.470 kg
Khối lượng toàn bộ	15.795 15.820 kg	9.565 kg
Số chỗ ngồi	47 29 chỗ	29/20 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	WP9H336E50 WP10.5H430E50	WP4.6NQ220E50
Loại động cơ	Động cơ diesel, 6 xylanh thẳng hàng, tăng áp	Động cơ diesel, 4 xylanh thẳng hàng, tăng áp
Dung tích xi lanh	8.800 10.500 cc	4.580 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	336/ 1.900 430/ 1.900 Ps/(vòng/phút)	220/2.300 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	1.600/ 1.000 - 1.400 2.000/ 1.000 - 1.400 N.m/(vòng/phút)	800/1.200 - 1.800 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Hộp số	6DSX180T 6DSX200T	6DSX80T
Tỷ số truyền	3.636 3.153	3.89
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Tang trống/ tang trống. Phanh điện từ. Có ABS/ASR	Đĩa/ tang trống. Phanh khí xả. Có ABS
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Phụ thuộc, 02 bầu hơi, 02 giảm chấn, thanh cân bằng	Phụ thuộc, 02 bầu hơi, 02 giảm chấn, thanh cân bằng
Sau	Phụ thuộc 04 bầu hơi, 04 giảm chấn, thanh cân bằng	Phụ thuộc 04 bầu hơi, 04 giảm chấn, thanh cân bằng
LỐP XE:		
Trước/Sau	12R22.5	245/70R19.5
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	43.6 46 %	48.3 %
Tốc độ tối đa	113 120 km/h	122 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	400 lít	100 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Trục vít ê cu bi, trợ lực thủy lực	Trục vít ê cu bi, trợ lực thủy lực